TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Số: 21/2025/QĐST-KDTM	*Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 11 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 19/2025/TLST-KDTM ngày 27 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hỏa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn:*

- Hợp tác xã N2; địa chỉ trụ sở: Thôn N, xã B, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo hợp pháp: Ông Ma Ngọc T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Hợp tác xã R; địa chỉ trụ sở: Xã T, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo hợp pháp: Ông Nguyễn Việt P - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Hợp tác xã T3; địa chỉ trụ sở: Thôn C T, xã H, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lương Văn T1 - Chức vụ: Giám đốc.

- Hợp tác xã N3; địa chỉ trụ sở: Thôn Q, xã C, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo hợp pháp: Ông Trần Ngọc P1 - Chức vụ: Giám đốc.

- Hợp tác xã S; địa chỉ trụ sở: Số nhà A đường T, tổ dân phố Ỷ, phường M, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn N - Chức vụ: Giám đốc.

- Hợp tác xã S1; địa chỉ trụ sở: Xã T, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện hợp pháp: Bà Ma Thị N1 - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của Hợp tác xã N2, Hợp tác xã rau quả an toàn Đ, Hợp tác xã T3, Hợp tác xã N3, Hợp tác xã S, Hợp tác xã S1 là: Công ty L; địa chỉ: M V, phố H, tổ dân phố P, phường M, tỉnh Tuyên Quang. Người đại diện theo pháp luật: Luật sư Vũ Trung K – Giám đốc.

* *Bị đơn*: **Công ty TNHH X**; địa chỉ trụ sở: Số D đường S, thôn A, xã Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Thiên T2 – Chức vụ: Giám đốc

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công ty TNHH X xác nhận nợ Hợp tác xã N2 số tiền 187.761.810 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi mốt nghìn, tám trăm mười đồng) theo Hợp đồng hợp tác về việc phát triển vùng nguyên liệu và thu mua sản phẩm số 2323/HĐHT/NST9-TB ngày 05/9/2023 và Phụ lục Hợp đồng về việc thu mua sản lượng số 2323/PLHĐ/NST9-TB.

2.2. Công ty TNHH X xác nhận nợ Hợp tác xã rau quả an toàn Đức Ninh số tiền 210.023.910 đồng (Hai trăm mười triệu, không trăm hai mươi ba nghìn, chín trăm mười đồng) theo Hợp đồng hợp tác số 8023/HĐHT/NST9- ĐN, Phụ lục Hợp đồng về việc thu mua sản lượng số 8023/PLHĐ/NST9-ĐN ngày 01/8/2023.

2.3. Công ty TNHH X xác nhận nợ Hợp tác xã T3 tổng số tiền 1.318.180.443 đồng (Một tỷ, ba trăm mười tám triệu, một trăm tám mươi nghìn, bốn trăm bốn mươi ba đồng) theo Hợp đồng vận chuyển hàng hóa số 3323/HĐHT/NST9 –TMV20/9/2023.

2.4. Công ty TNHH X xác nhận nợ Hợp tác xã N3 số tiền 1.460.098.514 đồng (Một tỷ, bốn trăm sáu mươi triệu, không trăm chín mươi tám nghìn, năm trăm mười bốn đồng) theo Hợp đồng hợp tác số 0723/HĐHT/NST9- MH ngày 16/10/2023.

2.5.Công ty TNHH X xác nhận nợ Hợp tác xã S số tiền 96.352.200 đồng (Chín mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi hai nghìn, hai trăm đồng) theo Hợp đồng hợp tác số 2223/HĐHT/NST9- YL, Phụ lục Hợp đồng về việc thu mua sản lượng số 2223/PLHĐ/NST9- YL ngày 05/9/2023.

2.6. Công ty TNHH X xác nhận nợ Hợp tác xã S1 số tiền 23.051.180 đồng (Hai mươi ba triệu, không trăm năm mươi mốt nghìn, một trăm tám mươi đồng) theo Hợp đồng hợp tác số 2823/HĐHT/NST9- TG, Phụ lục Hợp đồng về việc thu mua sản lượng số 2823/PLHĐ/NST9-TG ngày 08/9/2023.

2.7. Thời hạn thanh toán:

Công ty TNHH X thanh toán toàn bộ nợ nêu trên trước ngày 30/12/2025 cho: Hợp tác xã N2 số tiền 187.761.810 đồng, Hợp tác xã R số tiền 210.023.910 đồng, Hợp tác xã T3 số tiền 1.318.180.443 đồng, Hợp tác xã N3 số tiền 1.460.098.514 đồng, Hợp tác xã S số tiền 96.352.200 đồng, Hợp tác xã S1 số tiền 23.051.180 đồng. Ngoài ra, các Hợp tác xã nêu trên không yêu cầu gì với Công ty TNHH X.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí:

- Công ty TNHH X tự nguyện chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại là 48.954.000đ (Bốn mươi tám triệu chín trăm năm mươi tư nghìn đồng).

- Trả lại Hợp tác xã N2 số tiền 4.694.000đ (Bốn triệu sáu trăm chín mươi tư nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017939 ngày 27/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

- Trả lại Hợp tác xã rau quả an toàn Đức Ninh số tiền 5.250.000đ (Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017936 ngày 27/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

- Trả lại Hợp tác xã T3 số tiền 25.772.000đ (Hai mươi năm triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017935 ngày 27/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

- Trả lại Hợp tác xã N3 số tiền 27.901.000đ (Hai mươi bảy triệu chín trăm linh một nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017941 ngày 27/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

- Trả lại Hợp tác xã S số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017938 ngày 27/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

- Trả lại Hợp tác xã S1 số tiền số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017940 ngày 27/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 8 – Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu